

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-3-2018

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Mai;

- Bà Huỳnh Thị Tanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên;

Trong các ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị E, sinh năm 1975, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970, vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2017, quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị E trình bày: Bà và ông T có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp, sống chung không được hạnh phúc, gần đây bà phát hiện ông T có tình cảm với người phụ nữ khác, do đó bà không chịu đựng được nên bà xin được ly hôn ông T.

Về quan hệ con chung: Bà với ông T có hai đứa con chung tên Trần Thị L, sinh năm 1994 và Trần Hồng C, sinh năm 1998, con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu gì.

Về quan hệ tài sản chung: bà với ông T đã thỏa thuận được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của bà E về thời gian, điều kiện tiến đến hôn nhân, ông và bà E chung sống đến nay không có đăng ký kết hôn là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cự cãi, tính tình không hợp, ông nhận thấy tình cảm giữa ông với bà E không còn nên ông đồng ý ly hôn bà E.

Về quan hệ con chung: Ông và bà E có hai đứa con chung tên Trần Thị L, sinh năm 1994 và Trần Hồng C, sinh năm 1998, con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[2] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về xin ly hôn và theo nơi cư trú của bị đơn ông Trần Văn T tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn T và bà Trần Thị E kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến năm nay mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình nên trường hợp này, ông T, bà E có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình. Hội

đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà E mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông T và bà E.

[3.2] Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị E và ông Trần Văn T có hai đứa con chung tên Trần Thị L, sinh năm 1994 và Trần Hồng C, sinh năm 1998, con chung đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật hôn nhân gia đình nên không đề cập giải quyết.

[3.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: ông Trần Văn T và bà Trần Thị E thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Bà Trần Thị E phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Trần Văn T không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Trần Văn T và bà Trần Thị E là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị E phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0015806 ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- T huyện (1);
- Lưu vp, hs (2).

(Đã ký)

Châu Nam Phú